

Số: 661/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo hệ chuẩn ngành Quản trị kinh doanh - trình độ đại học

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18/07/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 971/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2017 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành quy định xây dựng chương trình đào tạo đại học tại Học viện;

Căn cứ Quyết định số 344/QĐ-HVCSPT ngày 12/05/2021 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật và điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển năm 2021;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo hệ chuẩn ngành Quản trị kinh doanh - trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy áp dụng từ Khóa 12 tuyển sinh năm 2021 của Học viện Chính sách và Phát triển. (có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng các Khoa/Viện/Bộ môn, Người đứng đầu các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các đơn vị thuộc Học viện;
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (04 bản).

GIÁM ĐỐC



PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 664/QĐ-HVCSPT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

NGÀNH ĐÀO TẠO: QUẢN TRỊ KINH DOANH
MÃ SỐ: 7340101
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học ngành Quản trị kinh doanh chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản lý, quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Quản trị doanh nghiệp; có khả năng thích ứng nhanh với các nhiệm vụ cụ thể của doanh nghiệp trong bối cảnh liên kết chuỗi giá trị toàn cầu.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức: Cử nhân Quản trị doanh nghiệp được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về quản lý, kinh tế, xã hội và nhân văn, chuyên sâu về quản trị kinh doanh: quản trị theo quy trình và lĩnh vực trong doanh nghiệp; về xây dựng các kế hoạch và chiến lược kinh doanh; khởi nghiệp trên nền tảng truyền thống và môi trường số. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

1.2.2. Về kỹ năng: Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; kỹ năng phân tích, tổng hợp và ra quyết định; có kỹ năng thu thập, phân tích thông tin nội bộ doanh nghiệp và thị trường; kỹ năng lập và phân tích các mô hình kinh doanh phù hợp với điều kiện môi trường luôn biến động.

1.2.3. Về thái độ: Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức tổ chức kỷ luật; tinh thần cầu thị, chủ động, sáng tạo, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc.

1.2.4. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp : Người học sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp có thể làm việc ở các lĩnh vực, chức năng thuộc các loại hình doanh nghiệp:

- Chuyên viên kinh doanh, marketing, phân phối, bán hàng
- Chuyên viên thẩm định dự án
- Chuyên viên quản lý tài chính
- Chuyên viên hỗ trợ giao dịch khách hàng
- Chuyên viên nghiên cứu thị trường
- Chuyên viên quản trị nhân sự
- Tự khởi sự và phát triển doanh nghiệp
- Giảng dạy và nghiên cứu: Học bậc cao hơn để giảng dạy hoặc làm việc tại các trường đại học, viện nghiên cứu về kinh tế, quản trị kinh doanh...

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ và tin học

Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển.

Cử nhân quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế: Sử dụng tốt tiếng Anh với những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong nghiên cứu, giao tiếp và soạn thảo văn bản, tài liệu.

Cử nhân Quản trị doanh nghiệp có chứng chỉ tin học chuẩn quốc tế: thành thạo các công cụ tin học văn phòng ứng dụng trong công tác quản trị tại cơ quan/doanh nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Về kiến thức

2.1.1. Kiến thức cơ bản

1. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa mác – Lê Nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản, đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.

3. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

4. Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.

5. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

2.1.2. Kiến thức chuyên sâu

6. Nắm vững hệ thống quản trị của doanh nghiệp theo quy trình, theo lĩnh vực và chức năng.

7. Xây dựng và phân tích được chiến lược của doanh nghiệp: Chiến lược kinh doanh và các chiến lược tài chính, nhân sự, marketing.

8. Biết và nắm vững việc xây dựng mô hình kinh doanh cho việc khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp.

9. Phân tích, đánh giá được hành vi khách hàng cá nhân và doanh nghiệp trong môi trường truyền thông và các kênh hiện đại.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

10. Nắm vững kỹ năng xây dựng chiến lược kinh doanh, mô hình kinh doanh truyền thông và mô hình đổi mới sáng tạo.

11. Thành thạo công cụ thu thập và phân tích dữ liệu từ khách hàng, đối thủ cạnh tranh, các đối tác liên quan để giải quyết các vấn đề kinh doanh.

12. Vận dụng linh hoạt và thành thạo các công cụ kinh doanh online.

13. Hiểu và ứng dụng các công nghệ 4.0 trong doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh.

14. Thực hiện được các cuộc điều tra nghiên cứu thị trường và phân tích môi trường kinh doanh;

15. Cập nhật và vận dụng được sự thay đổi về chính sách, qui định liên quan đến sản xuất kinh doanh ở Việt Nam để giải quyết một số vấn đề cơ bản trong thực tế;

2.2.2. Kỹ năng mềm

16. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng quản lý, lãnh đạo.

17. Có khả năng sử dụng ngoại ngữ (Tiếng Anh) một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.

18. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; có khả năng phân tích Dữ liệu lớn (Big Data) trong kinh tế và kinh doanh.

2.3. Về phẩm chất đạo đức

19. Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

20. Có năng lực nắm bắt các vấn đề về quản trị, điều hành trong doanh nghiệp, ra các quyết định kinh doanh trong phạm vi công việc đảm nhiệm.

4. Thời gian đào tạo: 3,5 năm – 04 năm.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ, không kể 17 tín chỉ học phần Tiếng Anh cơ bản 1, giáo dục quốc phòng và thể chất.

6. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tuyển sinh của Học viện Chính sách và Phát triển.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định đào tạo đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển.

8. Cách thức đánh giá (thang điểm)

Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định đào tạo đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển.

9. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: **130 tín chỉ**, trong đó:

- | | |
|--|-------------------|
| - Kiến thức giáo dục đại cương | 41 tín chỉ |
| (không bao gồm TACB01, GD thể chất và GD quốc phòng) | |
| - Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: | 89 tín chỉ |
| + Kiến thức cơ sở ngành | 29 tín chỉ |
| <i>Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc</i> | <i>20 tín chỉ</i> |
| <i>Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn</i> | <i>9 tín chỉ</i> |
| + Kiến thức ngành | 26 tín chỉ |
| <i>Kiến thức ngành bắt buộc</i> | <i>17 tín chỉ</i> |
| <i>Kiến thức ngành lựa chọn</i> | <i>9 tín chỉ</i> |
| + Kiến thức chuyên ngành | 24 tín chỉ |
| <i>Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</i> | <i>15 tín chỉ</i> |
| <i>Kiến thức chuyên ngành lựa chọn</i> | <i>9 tín chỉ</i> |
| + Thực tập và Khoá luận | 10 tín chỉ |

10. Nội dung chương trình

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
1. Kiến thức Giáo dục đại cương			41	31%
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	2
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	1
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	1
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	5
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	1
10	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
12	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
13	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
14	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
15	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	1
16	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
17	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	2
18	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2	1
19	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2	2
20	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2	3
2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp				
2.1. Kiến thức Cơ sở ngành			29	22%
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc			20	15%
1	CSCS11	Chính sách công	3	4
2	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	4
3	QTMC02	Marketing căn bản	3	3
4	TCTT23	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	3
5	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	3
6	QTHO06	Quản trị học	2	3
7	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	
2.1.2. Cơ sở ngành Lựa chọn			9	6,9%
1	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1	3	3
2	KHĐT10	Kinh tế đầu tư	2	3
3	KHKT11	Kinh tế phát triển	2	4
4	ĐNQT11	Kinh doanh quốc tế	3	4
5	ĐNTM09	Thương mại quốc tế	2	5
6	TOKT05	Kinh tế lượng	3	3
7	QTTL01	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3	4
8	QHĐL07	Địa lý kinh tế	3	4

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
2.2. Kiến thức Ngành			26	20%
2.2.1. Ngành bắt buộc			17	13%
1	QTKS07	Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo	3	5
2	QTMA09	Quản trị Marketing	3	4
3	QTCL01	Quản trị chiến lược	3	6
4	QTNL03	Quản trị nhân lực	3	6
5	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	6
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	5
2.2.2. Ngành lựa chọn			9	6,9%
1	QTCC01	Quan hệ công chúng	3	5
2	QTTH01	Quản trị thương hiệu	3	5
3	QTKD14	Thương mại điện tử	3	5
4	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	3	6
5	TCKK25	Thị trường chứng khoán	3	6
6	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	3	6
2.3. Kiến thức Chuyên ngành			24	18%
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc			15	11%
1	QTDM01	Digital Marketing	3	7
2	QTEO01	Quản trị tổ chức sự kiện	3	6
3	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư	3	7
4	QTBH01	Quản trị bán hàng	3	7
5	QTTN10	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	3	7
2.3.2. Chuyên ngành lựa chọn			9	6,9%
1	QTCB01	Hành vi người tiêu dùng	3	4
2	QTOB01	Hành vi tổ chức	3	4
3	QTMS01	Marketing dịch vụ	3	7
4	TCTH11	Thuế	3	5
5	ĐNMA05	Marketing quốc tế	3	7
6	QTTT01	Truyền thông Marketing tích hợp	3	6
7	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	3	6
2.4. Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp			10	7,6%
1	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8
2	QTTN01	Quản trị chiến lược nâng cao	3	8
3	QTTN03	Digital Marketing nâng cao	3	8
4	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
TỔNG SỐ (không bao gồm TACB01, GDTC & GDQP)			130	

Ghi chú: (*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Công văn số /HVCSP-QLĐT ngày tháng năm 2021 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

NGÀNH ĐÀO TẠO: QUẢN TRỊ KINH DOANH
MÃ SỐ: 7340101
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ MARKETING

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học về Quản trị Marketing có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản lý, quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Quản trị Marketing; có khả năng làm việc độc lập, thích ứng nhanh với các nhiệm vụ cụ thể thuộc chức năng Quản trị marketing trong doanh nghiệp/tổ chức.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức: Cử nhân Quản trị Marketing được trang bị hệ thống kiến thức tổng hợp về khoa học quản trị kinh doanh và marketing bao gồm cả vĩ mô và vi mô; về xây dựng các kế hoạch và chiến lược marketing; nghiên cứu thị trường và hành vi khách hàng; phát triển và phối hợp các công cụ marketing; tổ chức và quản lý bộ phận marketing; kiểm tra và đánh giá các hoạt động marketing.

1.2.2. Về kỹ năng: Có kỹ năng làm việc độc lập, lãnh đạo, phân tích tổng hợp và ra quyết định, làm việc nhóm, giao tiếp, phối hợp các hoạt động; có kỹ năng vận dụng kiến thức vào điều kiện cụ thể; có khả năng khởi tạo và phát triển doanh nghiệp.

1.2.3. Về thái độ: Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức tổ chức kỷ luật; tinh thần cầu thị, chủ động, sáng tạo, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc.

1.2.4. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Quản trị Marketing có thể làm việc ở các công ty dịch vụ về marketing hay làm chuyên viên, quản trị marketing của các doanh nghiệp, tổ chức. Cử nhân Quản trị marketing cũng có thể làm việc các lĩnh vực khác trong doanh

nghiệp như chuyên viên kinh doanh, chuyên viên nhân sự, quản trị logistic, phân phối, bán hàng...

- Lĩnh vực nghiên cứu thị trường: Đảm nhận các công việc nghiên cứu và phân tích thị trường trong đơn vị/bộ phận nghiên cứu thị trường của doanh nghiệp hoặc trong các công ty dịch vụ nghiên cứu thị trường.

- Phát triển sản phẩm: Phối hợp với các bộ phận của doanh nghiệp trong phát triển danh mục sản phẩm, đổi mới, cải tiến sản phẩm.

- Lĩnh vực phân phối và cung ứng: Thực hiện công việc quản trị kênh phân phối, hoạt động vận tải và cung ứng dịch vụ trong doanh nghiệp;

- Lĩnh vực bán hàng và truyền thông: Thực hiện các công việc truyền thông xúc tiến thương mại, quảng cáo, quan hệ công chúng, quảng bá thương hiệu, sản phẩm, dịch vụ;

- Lĩnh vực quản trị ở các doanh nghiệp: Thực hiện các công việc của quản trị marketing như quản trị thương hiệu, quản trị phát triển sản phẩm, quản trị giá, quản trị kênh phân phối, quản trị truyền thông.

- Lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu: Học bậc cao hơn để giảng dạy hoặc làm việc tại các trường đại học, viện nghiên cứu

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ và tin học

Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển.

Cử nhân quản trị kinh doanh chuyên ngành Quản trị marketing có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế: Sử dụng tốt tiếng Anh với những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong nghiên cứu, giao tiếp và soạn thảo văn bản, tài liệu. Cử nhân Quản trị marketing có chứng chỉ tin học chuẩn quốc tế: thành thạo các công cụ tin học văn phòng ứng dụng trong công tác quản trị tại cơ quan/doanh nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Về kiến thức

a. Kiến thức cơ bản

1. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa mác – Lê Nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản, đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.

3. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

4. Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.

5. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

b. Kiến thức chuyên sâu:

6. Nắm vững hệ thống quản trị của doanh nghiệp theo quy trình, theo lĩnh vực và chức năng.

7. Vận dụng được kiến thức của quản trị kinh doanh, quản trị marketing trong các hoạt động marketing của doanh nghiệp;

8. Hiểu và nắm vững được những nguyên lý quản trị và marketing vào triển khai trong các tổ chức, doanh nghiệp dịch vụ marketing.

9. Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về marketing vào nghiên cứu thị trường, phân tích hành vi người tiêu dùng và xây dựng kế hoạch marketing của doanh nghiệp;

2.2. Về kỹ năng

a. Kỹ năng nghề nghiệp

10. Thiết kế các mô hình kinh doanh cho doanh nghiệp, đặc biệt đề xuất dưới quan điểm marketing.

11. Sử dụng thành thạo các công cụ định vị thương hiệu và quản trị thương hiệu đối với tổ chức/doanh nghiệp.

12. Nắm vững việc lập kế hoạch marketing của tổ chức/doanh nghiệp trong môi trường truyền thống và môi trường internet.

13. Sử dụng thành thạo các công cụ truyền thông marketing dựa trên nền tảng truyền thống và nền tảng số.

14. Thực hiện được các cuộc điều tra nghiên cứu thị trường và phân tích môi trường kinh doanh;

15. Cập nhật và vận dụng được sự thay đổi về chính sách, qui định liên quan đến sản xuất kinh doanh ở Việt Nam để giải quyết một số vấn đề cơ bản trong thực tế;

b. Kỹ năng mềm

16. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng quản lý, lãnh đạo.

17. Có khả năng sử dụng ngoại ngữ (Tiếng Anh) một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.

18. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; có khả năng phân tích Dữ liệu lớn (Big Data) trong kinh tế và kinh doanh.

2.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

19. Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

20. Chủ động, trách nhiệm trong phạm vi công việc đảm nhiệm và có khả năng đề xuất những ý tưởng, cải tiến, đóng góp cho sự phát triển tổ chức/doanh nghiệp.

4. Thời gian đào tạo: 3,5 năm – 04 năm.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ, không kể 17 tín chỉ học phần Tiếng Anh cơ bản 1, giáo dục quốc phòng và thể chất.

6. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tuyển sinh của Học viện Chính sách và Phát triển.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định đào tạo đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển.

8. Cách thức đánh giá (thang điểm)

Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định đào tạo đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển.

9. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: **130 tín chỉ**, trong đó:

- | | |
|--|--------------------------|
| - Kiến thức giáo dục đại cương | <u>41 tín chỉ</u> |
| (không bao gồm TACB01, GD thể chất và GD quốc phòng) | |
| - Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: | <u>89 tín chỉ</u> |
| + Kiến thức cơ sở ngành | 29 tín chỉ |
| <i>Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc</i> | <i>20 tín chỉ</i> |
| <i>Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn</i> | <i>9 tín chỉ</i> |
| + Kiến thức ngành | 26 tín chỉ |
| <i>Kiến thức ngành bắt buộc</i> | <i>17 tín chỉ</i> |
| <i>Kiến thức ngành lựa chọn</i> | <i>9 tín chỉ</i> |
| + Kiến thức chuyên ngành | 24 tín chỉ |
| <i>Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</i> | <i>15 tín chỉ</i> |
| <i>Kiến thức chuyên ngành lựa chọn</i> | <i>9 tín chỉ</i> |
| + Thực tập và Khoá luận | 10 tín chỉ |

10. Nội dung chương trình

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
1. Kiến thức Giáo dục đại cương			41	31%
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1
2	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	1
3	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	1
4	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
5	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
6	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
7	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	1
8	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	2
9	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
10	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2
11	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
12	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
13	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
14	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
15	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	5
16	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	1
2. Giáo dục quốc phòng			8	6,1%
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	1
3. Giáo dục thể chất			6	4,6%
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2	1
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2	2
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2	3
4. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			89	68%
4.1. Kiến thức Cơ sở ngành			29	22%
4.1.1. Kiến thức Cơ sở ngành bắt buộc			20	
1	QTMC02	Marketing căn bản	3	3
2	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	
3	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	3

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	3
5	QTHO06	Quản trị học	2	3
6	CSCS11	Chính sách công	3	4
7	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	4
4.1.2. Kiến thức Cơ sở ngành lựa chọn			9	
1	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1	3	3
2	KHĐT10	Kinh tế đầu tư	2	3
3	ĐNQT11	Kinh doanh quốc tế	3	4
4	KHK11	Kinh tế phát triển	2	4
5	ĐNTM09	Thương mại quốc tế	2	5
6	TOKT05	Kinh tế lượng	3	3
7	QTTL01	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3	
8	QHĐL07	Địa lý kinh tế	3	
4.2. Kiến thức Ngành			26	20%
4.2.1. Kiến thức Ngành bắt buộc			17	
1	QTMA09	Quản trị marketing	3	4
2	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	5
3	QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	5
4	QTCL01	Quản trị chiến lược	3	6
5	QTNL03	Quản trị nhân lực	3	6
6	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	6
4.2.2. Kiến thức Ngành lựa chọn			9	
1	QTCC01	Quan hệ công chúng	3	
2	QTTH01	Quản trị thương hiệu	3	
3	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3	
4	QTKD14	Thương mại điện tử	3	
5	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	3	
6	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	3	7
4.3. Kiến thức Chuyên ngành			24	18%
4.3.1. Kiến thức Chuyên ngành bắt buộc			15	
1	QTDM01	Digital Marketing	3	7
2	QTBH01	Quản trị bán hàng	3	7

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
3	QTTT01	Truyền thông Marketing tích hợp	3	6
4	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	3	6
5	QTMS01	Marketing dịch vụ	3	7
4.3.2. Kiến thức Chuyên ngành lựa chọn			9	
1	QTEO01	Quản trị tổ chức sự kiện	3	6
2	ĐNMA05	Marketing quốc tế	3	7
3	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư	3	7
4	QTCB01	Hành vi người tiêu dùng	3	4
5	QTOB01	Hành vi tổ chức	3	4
6	TCTH11	Thuế	3	5
7	QTTN10	Quản trị công nghệ	3	7
4.4. Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp			10	7,6%
1	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8
2	QTTN01	Quản trị chiến lược nâng cao	3	8
3	QTTN03	Digital Marketing nâng cao	3	8
4	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
TỔNG SỐ (Không bao gồm TACB01, GDTC và GDQP)			130	

Ghi chú: () Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo*